

BẢNG MA TRẬN CÂU HỎI

| STT       | Hình thức câu hỏi      | CHỦ ĐỀ - KỸ NĂNG                        |                                                                                       | CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC |                        |                         |                           |                          | TỔNG CỘNG |
|-----------|------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|-------------------------|---------------------------|--------------------------|-----------|
|           |                        |                                         |                                                                                       | Điểm/ 10                      | Nhận biết 16 câu - 40% | Thông hiểu 12 câu - 30% | Vận dụng thấp 8 câu - 20% | Vận dụng cao 4 câu - 10% |           |
| 1         | TRẮC NGHIỆM 4 LỰA CHỌN | PRONUNCIATION                           | VOWELS                                                                                | 0.25                          | 1                      |                         |                           |                          | 1         |
|           |                        |                                         | CONSONANTS                                                                            | 0.25                          | 1                      |                         |                           |                          | 1         |
| 2         |                        | STRESS                                  | Two-syllable words                                                                    | 0.25                          | 1                      |                         |                           |                          | 1         |
|           |                        |                                         | more-than-two-syllable words                                                          | 0.25                          | 1                      |                         |                           |                          | 1         |
| 3         |                        | VOCABULARY Unit 7 - 8                   | Synonyms - antonyms                                                                   | 1                             | 1                      | 3                       |                           |                          | 4         |
|           |                        |                                         | Error Identification - collocations                                                   | 0.25                          | 1                      |                         |                           |                          | 1         |
|           |                        |                                         | Word choice: nouns/verbs/adjectives/adverbs/prep                                      | 1                             | 3                      |                         | 1                         |                          | 4         |
| 4         |                        | GRAMMAR                                 | Gap-fill: passive voice, 3rd conditional, participle & infinitive clause, causative   | 1                             | 3                      |                         |                           | 1                        | 4         |
|           |                        |                                         | Error Identification: passive voice/ reported speech                                  | 0.5                           |                        | 2                       |                           |                          | 2         |
| 5         |                        | SPEAKING                                | Daily conversaiion about different types of show, cities and travelling               | 0.5                           | 1                      |                         | 1                         |                          | 2         |
| 6         | TỰ LUẬN                | READING COMPREHENSION (about 300 words) | Main idea / Paraphrasing/ detail/ word meaning/ reference/inference                   | 1.25                          | 3                      | 2                       |                           |                          | 5         |
| 7         |                        | CLOZE TEST (150-200 words)              | Collocation/ part of speech/ function words                                           | 1.25                          |                        | 2                       | 3                         |                          | 5         |
| 8         |                        | WORD FORMATION                          | Word formation: nouns/verbs/adjectives/adverbs                                        | 1                             |                        | 1                       | 3                         |                          | 4         |
| 9         |                        | SENTENCE TRANSFORMATION                 | Passive voice, 3rd conditional, participle & infinitive clause, causativeparaphrasing |                               |                        | 2                       |                           | 3                        | 5         |
| TỔNG CỘNG |                        |                                         |                                                                                       |                               | 16                     | 12                      | 8                         | 4                        | 40        |
| Tổng điểm |                        |                                         |                                                                                       |                               | 4                      | 3                       | 2                         | 1                        | 10        |

DUYỆT CỦA BGH

TTCM

NHÓM TRƯỞNG/ PHẢN BIỆN

NGUYỄN THỊ CẨM HÀ

LÊ NGỌC NỮ